

QUYỀN HUỖ BỎ HỢP ĐỒNG KHI CÓ VI PHẠM HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THEO ĐIỀU 72 CÔNG ƯỚC VIÊN NĂM 1980 VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Vũ Huy Hoàng*

Tóm tắt: Ngày 24/11/2015, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Công ước Viên năm 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (“CISG”). Việc gia nhập CISG góp phần nâng cao vai trò của Việt Nam trong hoạt động hài hòa hóa pháp luật trong lĩnh vực tư pháp quốc tế. Thông qua việc nghiên cứu quy định tại Điều 72 CISG về quyền huỷ bỏ hợp đồng khi có vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ và phân tích thực tiễn áp dụng quy định này trong phán quyết của các cơ quan tài phán trên thế giới, bài viết làm rõ một số bất cập, hạn chế trong quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.

Từ khóa: Công ước Viên năm 1980; huỷ bỏ hợp đồng; vi phạm hợp đồng trước thời hạn.

Abstract: On 24 November 2015, Vietnam became a party to the 1980 Vienna Convention on Contracts for the International Sale of Goods (CISG), thereby reinforcing Vietnam’s role in the harmonisation of private international law. Focusing on Article 72 CISG—governing the right to terminate a contract in the event of anticipatory breach—and drawing on decisions by courts and arbitral tribunals worldwide, this article identifies shortcomings in current Vietnamese law and advances recommendations for its improvement.

Keywords: 1980 Vienna Convention (CISG); termination of contract; anticipatory breach.

Đặt vấn đề

Quyền huỷ bỏ hợp đồng của một bên khi nhận thấy nguy cơ vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ của bên còn lại đã được quy định từ lâu trong nhiều văn bản pháp luật quốc tế, trong đó có CISG. Tuy nhiên, vấn đề này gần như chưa được đề cập trong pháp luật Việt Nam. Thông qua bài viết này, tác giả phân tích, làm rõ những vấn đề pháp lý được quy định tại điều 72 CISG về quyền huỷ bỏ hợp đồng khi có vi phạm hợp đồng trước thời hạn, chỉ

ra những thiếu sót trong quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam liên quan đến vấn đề này.

1. Khái quát chung về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ pháp lý phát sinh. Khi được giao kết hợp pháp, có thể coi hợp đồng như “*luật riêng*” của các bên; các bên có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng một cách thiện chí, trung thực. Tuy nhiên, không phải lúc nào các bên trong hợp đồng cũng tuân thủ đúng

* ThS., Học viện Tư pháp.

những gì đã thỏa thuận; việc vi phạm hợp đồng (VPHĐ) là điều không hiếm gặp trên thực tế. Vấn đề VPHĐ đã được quy định từ lâu trong pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới. Ví dụ, Điều 577 Bộ luật Dân sự Trung Quốc năm 2020 quy định: “*Trong trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc việc thực hiện không phù hợp với thỏa thuận thì bên đó phải chịu trách nhiệm như tiếp tục thực hiện nghĩa vụ, thực hiện biện pháp khắc phục hoặc bồi thường thiệt hại*”¹. Bộ luật Dân sự Pháp sửa đổi năm 2016 không nêu định nghĩa về VPHĐ nhưng có quy định về chế tài mà một bên có thể áp dụng khi bên còn lại không thực hiện nghĩa vụ, thực hiện không đúng hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ (Điều 1217, 1231-1)². Có thể hiểu, Bộ luật Dân sự Pháp chia VPHĐ bao gồm các dạng: Không thực hiện, chậm thực hiện và thực hiện không đúng. Pháp luật Việt Nam có nêu định nghĩa về VPHĐ tại khoản 12 Điều 3 Luật Thương mại (LTM) năm 2005 và định nghĩa về vi phạm nghĩa vụ tại Điều 351 Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2015, theo đó VPHĐ được hiểu là việc một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo hợp đồng. Có thể thấy, cách tiếp cận về VPHĐ trong pháp luật Việt Nam là tương đồng với nhiều quốc gia trên thế giới.

Thực tiễn giải quyết tranh chấp hợp đồng đặt ra một câu hỏi: Thời điểm VPHĐ xảy ra khi nào; có hai quan điểm khác nhau về vấn đề này. Quan điểm thứ nhất, theo lý

thuyết truyền thống thì sự vi phạm nghĩa vụ hợp đồng được xác định khi hết thời hạn được thỏa thuận trong hợp đồng nhưng một bên không thực hiện nghĩa vụ của mình³. Quan điểm thứ hai cho rằng, VPHĐ có thể xảy ra từ trước thời điểm phải thực hiện nghĩa vụ, quan điểm này chính là học thuyết “Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ” (Anticipatory Breach), sau đây gọi tắt là “*vi phạm hợp đồng trước thời hạn*”.

Học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn khởi nguồn từ vụ kiện *Hochster v De La Tour*⁴ tại nước Anh. Nội dung vụ việc có thể tóm lược như sau: De La Tour đã ký kết một thỏa thuận thuê ông Hochster đi cùng và hỗ trợ ông ấy trong chuyến đi đến châu Âu kéo dài ba tháng. Chuyến đi dự kiến bắt đầu vào ngày 01/6/1852. Tuy nhiên, vào ngày 11/5/1852, De la Tour đã viết thư cho Hochster và thông báo rằng đã thay đổi ý định và không cần dịch vụ của Hochster nữa. Hochster đã đệ đơn kiện De la Tour vào ngày 22/5/1852 để đòi bồi thường thiệt hại do dự đoán về hành vi vi phạm trong tương lai vào ngày 01/6. Không đồng ý với Hochster, De La Tour cho rằng chưa có sự vi phạm hợp đồng khi chưa đến ngày 01/06. Tòa án đánh giá việc một bên từ bỏ hợp đồng dù chưa đến hạn sẽ ngay lập tức xoá bỏ nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của bên kia,

¹ Bộ Luật Dân sự Trung Quốc năm 2020, https://www.registrationchina.com/articles/law/civil-code-of-the-prc-2020-edition/#Part_Three_Contract, truy cập ngày 13/03/2025.

² Bộ Luật Dân sự Pháp năm 2016, https://www.trans-lex.org/601101/_/french-civil-code-2016/, truy cập ngày 13/03/2025.

³ Dương Anh Sơn, *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 4(216)/2006, tr.51.

⁴ Reza Beheshti, *Anticipatory breach of contract and the necessity of adequate assurance under English law and Uniform Commercial Code*, Lloyd's Maritime and Commercial Law Quarterly, 2018, p.277, <https://nottingham-repository.worktribe.com/output/929050/anticipatory-breach-of-contract-and-the-necessity-of-adequate-assurance-under-english-law-and-uniform-commercial-code>, truy cập ngày 14/03/2025.

bên kia không cần đợi cho đến ngày thực hiện hợp đồng mới được tìm kiếm giải pháp khắc phục. Vì vậy, Tòa án phán quyết De La Tour phải bồi thường thiệt hại cho Hochster. Từ sau vụ kiện này, học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn được chấp nhận và áp dụng tại các quốc gia theo hệ thống luật Anh – Mỹ. Tại Mỹ, Bộ luật Thương mại thống nhất đã có những quy định (Điều 2-609 và 2-610 UCC)⁵ áp dụng học thuyết vi phạm trước thời hạn. Theo đó, nếu có căn cứ hợp lý để nghi ngờ một bên sẽ không thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng hoặc một bên từ chối thực hiện hợp đồng chưa đến hạn thì bên còn lại có quyền áp dụng một số biện pháp khắc phục đối với sự vi phạm như tạm ngừng hay huỷ bỏ hợp đồng.

Từ các phân tích nêu trên, chúng ta có thể hiểu vi phạm hợp đồng trước thời hạn là trường hợp dù chưa đến hạn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, nhưng có những căn cứ rõ ràng cho thấy một bên sẽ vi phạm hợp đồng khi đến hạn. Qua cách hiểu này, tác giả rút ra một số đặc điểm của vi phạm hợp đồng trước thời hạn như sau:

Thứ nhất, hành vi VPHĐ chưa xảy ra trên thực tế. Một trong những đặc điểm rõ ràng nhất của vi phạm trước thời hạn là thời điểm xảy ra vi phạm, cụ thể là trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ đã cam kết trong hợp đồng. Có thể coi trước thời hạn là thời điểm quan trọng nhất giúp phân biệt với những vi phạm nghĩa vụ thông thường đã đến hạn thực hiện.

Thứ hai, vi phạm hợp đồng trước thời hạn mang tính chất dự đoán. Khi hợp đồng được xem là vi phạm trước thời hạn thì hành vi vi phạm chưa xảy ra trên thực tế.

Việc cho rằng một bên sẽ có hành vi VPHĐ chỉ là kết quả của sự dự đoán (dựa trên những cơ sở nhất định) từ bên kia.

Thứ ba, vi phạm hợp đồng trước thời hạn là căn cứ phát sinh trách nhiệm do VPHĐ. Dù vi phạm chưa xảy ra trên thực tế, bên có nguy cơ bị vi phạm vẫn được quyền áp dụng một số chế tài mà thông thường chỉ được sử dụng khi có VPHĐ trên thực tế như tạm ngừng thực hiện hợp đồng hay huỷ bỏ hợp đồng.

2. Quyền huỷ bỏ hợp đồng khi có vi phạm hợp đồng trước thời hạn theo Điều 72 của CISG

2.1. Căn cứ để một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng khi xảy ra vi phạm hợp đồng trước thời hạn

Hợp đồng mua bán hàng hóa là hợp đồng song vụ: Bên bán có nghĩa vụ giao hàng và bên mua có nghĩa vụ thanh toán. Thông thường, việc giao hàng và trả tiền được thực hiện đồng thời. Tuy nhiên, do khoảng cách địa lý mà bên bán và bên mua nhiều khi không thể trực tiếp gặp nhau để giao hàng và thanh toán; vì vậy, một bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình trước khi bên kia thực hiện nghĩa vụ. Thực tế, có thể xuất hiện những rủi ro cho một bên trong tương lai khi bên còn lại có dấu hiệu sẽ vi phạm nghĩa vụ khi đến hạn thực hiện. Chính vì vậy, Điều 72 CISG trao cho một trong các bên quyền áp dụng chế tài huỷ bỏ hợp đồng khi nhận thấy bên còn lại có dấu hiệu sẽ vi phạm hợp đồng, cụ thể:

“Điều 72:

1. Nếu trước ngày quy định cho việc thi hành hợp đồng, mà thấy rõ ràng rằng một bên sẽ gây ra một vi phạm cơ bản đến hợp đồng, bên kia có thể tuyên bố hợp đồng bị huỷ.

⁵ Nguồn: Bộ Luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ, <https://www.law.cornell.edu/ucc/2>, truy cập ngày 14/03/2025.

2. Nếu có đủ thời giờ, bên nào có ý định tuyên bố hợp đồng bị hủy thì phải gửi một thông báo hợp lý cho bên kia để cho phép họ cung cấp những bảo đảm đầy đủ rằng họ sẽ thực hiện nghĩa vụ của mình.

3. Các quy định của khoản trên không áp dụng nếu bên kia đã tuyên bố rằng họ sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình”.

Từ quy định trên, có thể nhận thấy những căn cứ để một bên có thể áp dụng biện pháp hủy bỏ hợp đồng khi bên kia có vi phạm hợp đồng trước thời hạn, đó là: (i) Thấy rõ ràng rằng một bên sẽ gây ra vi phạm cơ bản hợp đồng (Điều 72.1), hoặc (ii) Một bên tuyên bố sẽ không thực hiện hợp đồng dù chưa đến hạn thực hiện (Điều 72.3).

(i) Thấy rõ ràng rằng một bên sẽ gây ra vi phạm cơ bản hợp đồng

Điều 72.1 CISG quy định 02 điều kiện cần đáp ứng để một bên áp dụng hủy bỏ hợp đồng nếu bên còn lại vi phạm hợp đồng trước hạn, đó là: Mức độ nghiêm trọng của vi phạm (vi phạm cơ bản) và mức độ chắc chắn của vi phạm trước thời hạn (rõ ràng).

Mức độ nghiêm trọng của vi phạm

Có thể thấy, việc hủy bỏ hợp đồng sẽ dẫn đến hệ quả hợp đồng bị chấm dứt, được xem là chế tài nặng nhất cho hành vi vi phạm của các bên tham gia hợp đồng. Vì vậy, chế tài này không được phép lạm dụng trong bất kỳ hoàn cảnh nào; chỉ khi nào vi phạm (trước thời hạn) là vi phạm cơ bản thì các bên mới có quyền dựa vào đó để hủy bỏ hợp đồng. Việc xác định hành vi vi phạm hợp đồng có phải là một vi phạm cơ bản hay không có ý nghĩa rất quan trọng để xác định tính hợp pháp của việc hủy hợp đồng.

Điều 25 CISG quy định: “*Một sự vi phạm hợp đồng do một bên gây ra là vi phạm cơ bản nếu sự vi phạm đó làm cho*

bên kia bị thiệt hại mà người bị thiệt hại, trong một chừng mực đáng kể bị mất cái mà họ có quyền chờ đợi trên cơ sở hợp đồng, trừ phi bên vi phạm không tiên liệu được hậu quả đó và một người có lý trí minh mẫn cũng sẽ không tiên liệu được nếu họ cũng ở vào hoàn cảnh tương tự”. Quy định này đặt ra hai yếu tố để một vi phạm hợp đồng trở thành một vi phạm cơ bản: (i) Vi phạm đó làm cho bên thiệt hại bị mất một cách đáng kể điều mà họ có quyền chờ đợi từ hợp đồng; và (ii) Bên vi phạm tiên liệu được hậu quả sẽ xảy ra.

Đối với yếu tố đầu tiên, CISG không nêu cụ thể cách xác định như thế nào là bên thiệt hại bị mất một cách đáng kể điều mà họ có quyền chờ đợi từ hợp đồng. Bản bình luận về CISG của Ban thư ký Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL) cho rằng, việc xác định xem thiệt hại đáng kể hay không phải dựa trên các tình tiết của từng trường hợp, ví dụ như giá trị tính bằng tiền của hợp đồng, thiệt hại kinh tế bị gây ra bởi hành vi vi phạm, hoặc mức độ mà hành vi vi phạm ảnh hưởng đến những hoạt động khác của bên bị thiệt hại⁶. Từ quy định của CISG và bình luận của Ban thư ký UNCITRAL có thể thấy, việc đánh giá hành vi vi phạm gây thiệt hại đáng kể hay không phải được xem xét trong từng hoàn cảnh cụ thể, do cơ quan giải quyết tranh chấp xem xét.

Các yếu tố về giá trị của hợp đồng và mức độ của tổn thất là những yếu tố quan trọng cần phải xem xét một cách cẩn thận, không thể đánh giá riêng lẻ mà phải được đánh giá trong mối tương quan với nhau để

⁶ Ban thư ký UNCITRAL, *Secretariat Commentary*, 1979, <https://iicl.law.pace.edu/cisg/page/article-25-secretariat-commentary-closest-counter-part-official-commentary>, truy cập ngày 15/03/2025.

đưa ra kết luận. Chúng ta có thể hiểu, một thiệt hại vài chục ngàn USD, trong tương quan so sánh với hợp đồng có giá trị một trăm ngàn USD có thể được xem là thiệt hại đáng kể, nhưng nếu hợp đồng có giá trị lên hàng chục, hàng trăm triệu USD thì thiệt hại vài chục ngàn USD khó được xem là đáng kể. Bên cạnh đó, mức độ mà hành vi vi phạm ảnh hưởng đến những hoạt động khác của bên bị vi phạm cũng cần được bên bị vi phạm chứng minh nếu muốn thuyết phục cơ quan giải quyết tranh chấp đó là vi phạm cơ bản. Ví dụ, giá trị của thiệt hại nhỏ hơn nhiều so với giá trị hợp đồng, nhưng việc vi phạm của một bên làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất của bên còn lại khiến họ vi phạm đối với bên thứ ba thì cũng có thể bị xem là vi phạm cơ bản.

Nếu không muốn bị huỷ hợp đồng do vi phạm cơ bản, bên vi phạm cần chứng minh họ không tiên liệu được hậu quả do vi phạm hợp đồng gây ra và những người có đầy đủ năng lực hành vi khác cũng không tiên liệu được nếu ở vào hoàn cảnh tương tự. Khả năng tiên liệu được hậu quả xảy ra là yếu tố thứ hai, là điều kiện đủ để đánh giá có vi phạm cơ bản hay không. Bản bình luận về CISG của Ban thư ký UNCITRAL cũng cho rằng: *“Bên vi phạm không thể thoái thác trách nhiệm chỉ bằng cách chứng minh rằng mình thực tế không lường trước được hậu quả. Bên vi phạm cũng phải chứng minh rằng không có lý do gì để buộc họ phải lường trước hậu quả đó”*⁷. Cơ sở để đánh giá khả năng không thể lường trước hậu quả được CISG quy định trong tại Điều 25, theo đó phải dựa vào nhìn nhận khách quan của một người có đầy đủ năng lực hành vi trong hoàn cảnh tương tự. Nếu cơ quan giải quyết tranh chấp nhận định rằng ở vào hoàn cảnh tương tự, một người đầy đủ

năng lực hành vi cũng không lường trước được hậu quả của hành vi vi phạm, thì việc bên vi phạm không thể tiên liệu trước hậu quả xảy ra là có cơ sở.

Mức độ chắc chắn của vi phạm trước thời hạn

Điều 72.1 CISG yêu cầu bên có ý định tuyên bố huỷ hợp đồng phải chứng minh rằng, có căn cứ rõ ràng bên kia sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng. Mặc dù CISG không nêu mức độ rõ ràng hoặc chắc chắn cần đạt được, nhiều bình luận của các nhà nghiên cứu và nhận định của Tòa án đồng ý rằng, Điều 72 CISG không yêu cầu sự chắc chắn tuyệt đối vi phạm sẽ xảy ra. Học giả Liu Chengwei khi bình luận về dấu hiệu rõ ràng của một vi phạm cơ bản đã nhận định, không nhất thiết phải có sự chắc chắn tuyệt đối sẽ xảy ra vi phạm cơ bản hợp đồng⁸. Trong một phán quyết năm 1992, Tòa án Landgericht Berlin (Đức) tuyên bố rằng theo Điều 72 CISG, đúng là phải đặt ra những tiêu chuẩn cao về mức độ rõ ràng của việc vi phạm hợp đồng trong tương lai nhưng không nhất thiết phải ở mức “gần như chắc chắn” mà chỉ “có thể xảy ra rất cao” đã được coi là hợp lý⁹. Ngoài ra, dấu hiệu rõ ràng một bên sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng không chỉ do những phán đoán chủ quan của bên còn lại mà còn phải dựa trên những cơ sở khách quan. Học giả Mercedes Azeredo da Silveira đã đánh giá: *“Trong*

⁸ Liu Chengwei, *Remedies for Non-Performance, Perspective from CISG, UNIDROIT Principles & PECL*, Pace Institute of International Commercial Law, 2003, p.138, https://www.academia.edu/37883872/Remedies_for_Non_performance_Perspective_s_from_CISG_UNIDROIT_Principles_and_PECL, truy cập ngày 17/03/2025.

⁹ Phán quyết của Tòa án Landgericht Berlin (Đức) ngày 30/9/1992 trong vụ tranh chấp hợp đồng mua bán giày, <https://cisg-online.org/search-for-cases?caseId=6050>, truy cập ngày 17/03/2025.

⁷ Tlđd (6).

mọi trường hợp, nghi ngờ rằng một vi phạm cơ bản hợp đồng sẽ được thực hiện phải có cơ sở khách quan. Hợp đồng không thể bị hủy bỏ trên cơ sở nỗi lo sợ chủ quan. Thay vào đó, các căn cứ khách quan phải cho thấy rõ ràng một trong các bên sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng”¹⁰.

Khi vi phạm chưa xảy ra trên thực tế, bên dự định hủy bỏ hợp đồng chưa thể khẳng định chắc chắn bên kia sẽ vi phạm cơ bản. CISG cũng không đưa ra giải thích hay liệt kê các trường hợp cụ thể được coi là rõ ràng sẽ có vi phạm cơ bản hợp đồng. Thông qua các bình luận và bản án đã áp dụng Điều 72 CISG, chúng ta có thể liệt kê một số trường hợp được xem là rõ ràng một bên sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng. Bản bình luận về CISG của Ban thư ký UNCITRAL nêu ra một số trường hợp được xem là rõ ràng sẽ vi phạm cơ bản trong tương lai: (i) Do những lời nói hoặc hành động của một bên đó cấu thành sự từ chối hợp đồng; hoặc (ii) Do một sự kiện khách quan, chẳng hạn như nhà máy của người bán bị phá hủy bởi hỏa hoạn, sự áp đặt lệnh cấm vận hoặc kiểm soát tiền tệ khiến việc thực hiện nghĩa vụ trong tương lai trở nên bất khả thi; (iii) Việc một bên không thể đưa ra một sự đảm bảo đầy đủ theo điều 71.3 CISG để xóa bỏ những nghi ngờ về khả năng vi phạm trong tương lai, điều đó cũng tạo ra một căn cứ rõ ràng bên đó sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng¹¹.

¹⁰ Mercédeh Azeredo da Silveira, *Anticipatory Breach under the United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, Nordic Journal of Commercial Law, 2005, p.25, <https://journals.aau.dk/index.php/NJCL/article/view/3046/2573>, truy cập ngày 17/03/2025.

¹¹ Ban thư ký UNCITRAL, *Secretariat Commentary*, 1979, <https://iicl.law.pace.edu/cisg/page/article-72-secretariat-commentary-closest-counterpart-official-commentary>, truy cập ngày 17/03/2025.

Bên cạnh quan điểm của các chuyên gia pháp lý, cơ quan tài phán của nhiều quốc gia trên thế giới đã áp dụng điều 72 CISG để chỉ ra một số trường hợp được coi là rõ ràng sẽ có vi phạm cơ bản hợp đồng, ví dụ như vụ tranh chấp hợp đồng mua bán giày được xét xử tại Toà phúc thẩm Düsseldorf (Đức) vào năm 1994¹². Bên mua (công ty của Đức) đã đặt mua 140 đôi giày từ bên bán (công ty của Ý). Sau khi sản xuất xong, bên bán yêu cầu bên mua cung cấp bảo lãnh thanh toán (do bên mua chậm thanh toán cho một hợp đồng khác trước đó). Khi bên mua không cung cấp được bảo lãnh thanh toán, bên bán đã tuyên bố hủy hợp đồng. Khi tranh chấp được đưa ra Toà án, Toà đã nhận định: “*Bên bán có quyền tuyên bố hủy hợp đồng theo Điều 72 (1) và (2) CISG, bởi trước khi giao hàng rõ ràng là bên mua sẽ không trả tiền và do đó sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng. Bên mua đã không thực hiện theo hợp đồng trước mặc dù bên bán đã yêu cầu nó nhiều lần và thậm chí đã tiến hành khởi kiện...*”. Trong vụ việc này, bên mua chậm thanh toán cho hợp đồng thứ nhất và không cung cấp thư bảo lãnh cho hợp đồng thứ hai khi được bên bán yêu cầu, hành vi này rõ ràng đã cho thấy bên mua sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng thứ hai.

Ngoài ra, thực tiễn áp dụng CISG của nhiều cơ quan tài phán trên thế giới đã nêu ra một số trường hợp được coi là rõ ràng sẽ có vi phạm cơ bản hợp đồng. Đối với bên bán, dấu hiệu rõ ràng sẽ vi phạm cơ bản có thể kể đến như: Người bán cung cấp cho người mua các bản vẽ sơ bộ mà trên cơ sở đó thiết bị sẽ được sản xuất, các bản vẽ này

¹² Phán quyết của Toà phúc thẩm Düsseldorf (Đức) ngày 14/01/1994 trong vụ tranh chấp hợp đồng mua bán giày, <https://www.unilex.info/cisg/case/84>, truy cập ngày 17/03/2025.

có lỗi và người bán không đảm bảo sẽ cải thiện chúng kịp thời để giao thiết bị cho bên mua¹³; bên bán không thuê con tàu theo yêu cầu để độc quyền chuyên chở hàng hóa cho bên mua¹⁴;... Đối với bên mua, dấu hiệu cho thấy rõ ràng sẽ vi phạm cơ bản có thể là: Bên mua đã mở một thư tín dụng (L/C) với nhiều điều khoản không phù hợp với hợp đồng và không sửa đổi L/C theo đề nghị của bên bán¹⁵.

(ii) Một bên tuyên bố sẽ không thực hiện hợp đồng dù chưa đến hạn thực hiện

Nếu một bên đưa ra tuyên bố sẽ không thực hiện nghĩa vụ (dù chưa đến hạn thực hiện), điều này ngay lập tức trao cho bên còn lại quyền được hủy hợp đồng theo Điều 72.3 CISG. Đây chính là căn cứ rõ ràng, hiển nhiên nhất về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, chính là biểu hiện ý chí một cách minh thị, rõ ràng nhất về mong muốn không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Khi chưa đến hạn thực hiện, nếu một bên tuyên bố sẽ không thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng thì bản thân bên đó đã tự mâu thuẫn với chính cam kết của mình khi giao kết hợp đồng. Có thể coi tuyên bố của

một bên rằng sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình là lời tuyên bố cuối cùng và không thể rút lại. Tuyên bố không thực hiện nghĩa vụ của một bên có thể biểu hiện bằng những hình thức khác nhau, có thể trực tiếp bằng lời nói, thư tín, điện thoại, fax...; tuyên bố đó phải rõ ràng, có mối quan hệ logic với nghĩa vụ đã cam kết.

Trong thực tiễn, một số cơ quan tài phán đã áp dụng Điều 72.3 CISG để chỉ ra một số trường hợp được hiểu là một bên tuyên bố sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình, ví dụ như vụ tranh chấp về hợp đồng mua bán phân bón được giải quyết tại Ủy ban Trọng tài Kinh tế & Thương mại Quốc tế Trung Quốc (CIETAC) vào năm 1996¹⁶. Bên bán (công ty của Úc) ký hợp đồng cung cấp 20.000 tấn phân bón cho bên mua (công ty Trung Quốc). Trước khi đến hạn giao hàng 2 tuần, bên bán đã gửi Fax cho bên mua, thông báo có khả năng không giao được hàng, sẽ cố gắng tìm nguồn cung cấp khác nhưng khả năng tìm được hàng để giao rất thấp, bên mua cần chuẩn bị cho việc không có hàng. Trong vụ việc này, CIETAC đã nhận định: *“Bản fax cho thấy rằng bên bán đã thể hiện rõ ràng họ sẽ không thực hiện nghĩa vụ giao hàng của mình. Theo Điều 72 (3), trong những trường hợp như vậy, bên dự định tuyên bố hủy hợp đồng không cần phải thông báo cho bên kia”* và *“Mặc dù các bên không sử dụng các từ “hủy hợp đồng” hoặc “tuyên bố hủy hợp đồng”, ý định của các bên để hủy hợp đồng là rõ ràng; Bên mua không cần chính thức tuyên bố hủy hợp đồng một lần nữa”*.

¹³ Phán quyết của Tòa án Trọng tài Thương mại Quốc tế tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Liên bang Nga ngày 25/04/1995 trong vụ tranh chấp hợp đồng mua bán thiết bị kết nối với hệ thống máy tính, <https://iicl.law.pace.edu/cisg/case/25-april-1995-tribunal-international-commercial-arbitration-russian-federation-chamber-0>, truy cập ngày 18/03/2025.

¹⁴ Phán quyết của Tòa án Trọng tài Thương mại Quốc tế tại Phòng Thương mại và Công nghiệp Liên bang Nga ngày 07/06/1999 trong vụ tranh chấp hợp đồng mua bán thực phẩm, https://www.uncitral.org/clout/clout/data/rus/clout_case_473_leg-1698.html, truy cập ngày 18/03/2025.

¹⁵ Phán quyết của Ủy ban Trọng tài kinh tế và thương mại quốc tế Trung Quốc ngày 07/06/1999 trong vụ tranh chấp hợp đồng mua bán thép cuộn, https://www.uncitral.org/clout/clout/data/chn/clout_case_716_leg-2331.html, truy cập ngày 18/03/2025.

¹⁶ Phán quyết của Ủy ban Trọng tài kinh tế và thương mại quốc tế Trung Quốc ngày 30/01/1996 trong vụ tranh chấp hợp đồng mua bán phân bón, https://cisg-online.org/files/cases/7044/translationFile/1120_63349091.pdf, truy cập ngày 20/03/2025.

Ngoài ra, lý luận và thực tiễn cho thấy, việc một bên tuyên bố sẽ không thực hiện nghĩa vụ của mình có thể là các trường hợp như: Thể hiện qua việc tuyên bố sẽ không thực hiện, phủ nhận sự tồn tại của hợp đồng đã giao kết giữa hai bên¹⁷; bên bán tuyên bố không giao hàng vì cho rằng bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nhưng thực tế bên mua không vi phạm¹⁸; bên bán tuyên bố sẽ không thực hiện hợp đồng nếu bên mua không sửa đổi thư tín dụng (L/C)¹⁹...

2.2. Thông báo về ý định tuyên bố hủy bỏ hợp đồng

CISG luôn xây dựng các cơ chế để hợp đồng có thể tiếp tục thực hiện bằng cách khắc phục vi phạm. Khi có đủ căn cứ về sự rõ ràng một bên sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng, Điều 72.2 CISG yêu cầu bên có ý định hủy bỏ hợp đồng (nếu có đủ thời giờ) phải gửi thông báo hợp lý cho bên kia về ý định hủy bỏ và cho phép họ xác định điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Quy định này là cần thiết cho cả hai bên trong hợp đồng. Đối với bên có ý định hủy bỏ hợp đồng, việc thông báo giúp họ đánh giá căn cứ rõ ràng bên kia sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng, từ đó loại bỏ rủi ro pháp lý có thể phát sinh do tuyên bố hủy bỏ hợp đồng không hợp pháp. Đối với bên bị cáo buộc sẽ vi phạm cơ bản, thủ tục thông báo tạo cơ hội để họ chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình, qua đó

có thể ngăn chặn việc tuyên bố hủy bỏ hợp đồng vội vàng của bên kia.

Điều 72.2 CISG không yêu cầu bên dự định hủy bỏ hợp đồng phải gửi thông báo trong mọi trường hợp, họ chỉ phải gửi thông báo nếu “có đủ thời gian”; nhưng thế nào là có đủ thời gian? Có thể thấy, vấn đề có đủ thời gian được các nhà soạn thảo CISG đặt ra trong bối cảnh các phương thức thông tin liên lạc chưa phát triển, có những hạn chế lớn do khoảng cách địa lý. Trong thời đại cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, những trường hợp không có đủ thời gian để gửi thông báo theo Điều 72(2) CISG dường như khó có thể xảy ra. Với bối cảnh hiện nay, chúng ta có thể hiểu, khi một bên dự định tuyên bố hủy hợp đồng thì phải gửi ngay thông báo cho bên kia, việc thông báo ngay sẽ phù hợp với nguyên tắc thiện chí khi thực hiện hợp đồng.

Chúng ta cũng cần lưu ý, CISG yêu cầu bên dự định hủy bỏ hợp đồng phải gửi “thông báo hợp lý” cho bên kia nhưng cũng không giải thích thế nào là thông báo hợp lý. Tác giả cho rằng, một thông báo được coi là hợp lý khi đáp ứng đủ các yếu tố về phương thức gửi và nội dung. Thông báo phải được gửi đi bằng những phương thức bảo đảm rằng, nó sẽ đến được bên nhận (có thể bằng văn bản, fax, email,...). Ngoài ra, nội dung thông báo cần nêu rõ các vấn đề như: Ý định hủy bỏ hợp đồng đồng của bên gửi; những căn cứ rõ ràng cho thấy nguy cơ sẽ có vi phạm cơ bản hợp đồng; ấn định một khoảng thời gian cụ thể để bên nhận thông báo phải đưa ra được đảm bảo đầy đủ cho việc sẽ thực hiện đúng nghĩa vụ.

Điều 72.3 CISG cũng quy định một ngoại lệ mà một bên không cần thực hiện nghĩa vụ gửi thông báo về dự định hủy bỏ hợp đồng, đó là khi bên kia tuyên bố sẽ không thực hiện hợp đồng dù chưa đến hạn

¹⁷ Tlđđ (8).

¹⁸ Phán quyết của Trung tâm trọng tài Thụy Sĩ ngày 31/05/1996 trong vụ tranh chấp hợp đồng mua bán nhôm thô, <https://www.unilex.info/cisg/case/396>, truy cập ngày 20/03/2025.

¹⁹ Phán quyết của Tòa án Quận Illinois (Hoa Kỳ) ngày 07/12/1999 trong vụ tranh chấp hợp đồng mua bán thép, <https://www.unilex.info/cisg/case/423>, truy cập ngày 20/03/2025.

thực hiện. Việc cho phép một bên có thể ngay lập tức huỷ bỏ hợp đồng khi bên còn lại tuyên bố không thực hiện nghĩa vụ là hợp lý, vì căn cứ của việc vi phạm cơ bản hợp đồng đã rất rõ ràng. Mục đích của việc thông báo nhằm yêu cầu bên kia cung cấp bảo đảm đầy đủ cho khả năng thực hiện nghĩa vụ, nếu bên có nghĩa vụ đã tỏ rõ sự không thiện chí đối với cam kết hợp đồng của mình thì việc buộc bên còn lại phải gửi thông báo ý định huỷ bỏ hợp đồng là không cần thiết.

3. Quy định của pháp luật Việt Nam về quyền huỷ bỏ hợp đồng khi có vi phạm hợp đồng trước thời hạn và giải pháp hoàn thiện

3.1. Quyền huỷ bỏ hợp đồng khi có vi phạm hợp đồng trước thời hạn theo quy định pháp luật Việt Nam

Từ trước đến nay, thuật ngữ vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ không được quy định trong pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, trong các văn bản pháp luật hiện hành, có thể tìm thấy một số quy định phân nào đã đề cập tới vấn đề này. Trước hết, LTM năm 2005 có quy định về huỷ bỏ hợp đồng trước thời hạn tại khoản 2 Điều 313, theo đó: *“Trường hợp một bên không thực hiện nghĩa vụ đối với một lần giao hàng, cung ứng dịch vụ là cơ sở để bên kia kết luận rằng vi phạm cơ bản sẽ xảy ra đối với những lần giao hàng, cung ứng dịch vụ sau đó thì bên bị vi phạm có quyền tuyên bố huỷ bỏ hợp đồng đối với những lần giao hàng, cung ứng dịch vụ sau đó, với điều kiện là bên đó phải thực hiện quyền này trong thời gian hợp lý”*. Có thể thấy, quy định này chỉ áp dụng trong một trường hợp duy nhất là giao hàng, cung ứng dịch vụ từng phần và phải xảy ra việc một bên đã không thực hiện nghĩa vụ với

một lần giao hàng, cung ứng dịch vụ. Với những hợp đồng mà nghĩa vụ chỉ thực hiện một lần, khi vi phạm chưa xảy ra thì không có cơ sở để áp dụng chế tài huỷ bỏ hợp đồng theo LTM năm 2005.

BLDS năm 2015 tại Điều 411 quy định một bên được quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ của mình nếu *“khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết cho đến khi bên kia có khả năng thực hiện được nghĩa vụ hoặc có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”*. Như vậy, BLDS năm 2015 chỉ cho phép các bên có quyền hoãn thực hiện hợp đồng trong một trường hợp duy nhất là khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã giảm sút nghiêm trọng. Ngoài ra, BLDS năm 2015 cũng không quy định về quyền huỷ bỏ hợp đồng của một bên khi có căn cứ rõ ràng bên còn lại sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng.

Từ những phân tích trên, có thể thấy pháp luật Việt Nam hiện thiếu các quy định điều chỉnh một cách toàn diện vấn đề vi phạm hợp đồng trước thời hạn.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về quyền huỷ bỏ hợp đồng khi có vi phạm hợp đồng trước thời hạn

Trong bối cảnh hiện nay, hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vi phạm hợp đồng trước thời hạn nói chung, về huỷ bỏ hợp đồng khi có vi phạm trước thời hạn nói riêng là điều hết sức cần thiết. Thông qua việc phân tích, luận giải Điều 72 của CISG, thực tiễn áp dụng trong các bản án của nhiều cơ quan tài phán trên thế giới, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề huỷ bỏ hợp đồng khi có vi phạm hợp đồng trước thời hạn như sau:

Thứ nhất, nên bổ sung thêm một căn cứ để một bên được áp dụng quyền hủy bỏ hợp đồng trong cả BLDS và LTM, đó là trường hợp “có căn cứ rõ ràng một bên sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng”. Như đã phân tích, pháp luật Việt Nam thiếu vắng các quy định điều chỉnh về vấn đề hủy bỏ hợp đồng khi có vi phạm trước thời hạn. Việc bổ sung quy định này là cần thiết bởi các lý do sau đây:

- Khi một bên đã tạo ra căn cứ rõ ràng cho thấy hợp đồng sẽ bị vi phạm khi đến hạn, không nên buộc bên còn lại phải ở trạng thái chờ đợi vô ích. Chúng ta khó lòng bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của một bên nếu không cho phép họ hủy bỏ hợp đồng khi thấy rõ ràng, hiển nhiên bên kia sẽ không thực hiện nghĩa vụ. Bên cạnh đó, khi vi phạm hợp đồng trước thời hạn xảy ra, việc bên có nguy cơ bị vi phạm phải thụ động chờ đến khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ mới có thể hủy hợp đồng dường như mâu thuẫn với nguyên tắc thiện chí thực hiện hợp đồng, một nguyên tắc cơ bản trong pháp luật dân sự Việt Nam (Điều 3 BLDS năm 2015).

- Việc pháp luật cho phép một bên hủy hợp đồng khi có vi phạm trước thời hạn, phần nào đó đã giúp họ áp dụng được một biện pháp hợp lý để giảm thiểu thiệt hại có thể xảy ra. Việc hạn chế tổn thất, thiệt hại là trách nhiệm, nghĩa vụ của bên bị vi phạm hợp đồng, được quy định trong cả CISG (Điều 77) và pháp luật Việt Nam (Điều 305 LTM năm 2005, Điều 362 BLDS năm 2015). Khi một bên nhận thấy rõ ràng bên còn lại sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng, nếu pháp luật tạo cơ sở cho họ được sớm hủy bỏ hợp đồng và tiến hành giao kết một hợp đồng mới với một đối tác khác, đó là một biện pháp hiệu quả để họ hạn chế tổn thất cho chính mình và phần nào đó,

giúp bên kia giảm thiểu mức thiệt hại phải bồi thường.

- Những năm qua, Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng và nền kinh tế thế giới. Để quá trình hội nhập này diễn ra hiệu quả, pháp luật Việt Nam cũng cần có những điều chỉnh cho tương thích với pháp luật quốc tế, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho các chủ thể kinh doanh. Trong xu thế hội nhập sâu rộng với thế giới trên mọi lĩnh vực, việc bổ sung quy định về hủy bỏ hợp đồng khi có vi phạm trước thời hạn giúp pháp luật Việt Nam có sự tương đồng với quy định của nhiều văn bản pháp lý quốc tế về hợp đồng. Bên cạnh CISG, Bộ Nguyên tắc UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế (Điều 7.3.3)²⁰ hay Bộ nguyên tắc châu Âu về hợp đồng (Điều 9:304)²¹ đều quy định về vấn đề này.

Thứ hai, cần bổ sung thêm cơ chế để xử lý các vấn đề phát sinh khi một bên sử dụng quyền hủy bỏ hợp đồng do có vi phạm trước thời hạn. Pháp luật Việt Nam cần quy định trách nhiệm gửi ngay thông báo về ý định hủy bỏ hợp đồng của bên có nguy cơ bị vi phạm. Thông báo của bên dự định hủy bỏ hợp đồng cần đưa ra những căn cứ cho thấy rõ ràng bên kia sẽ vi phạm cơ bản hợp đồng, đồng thời ấn định một thời hạn hợp lý để bên đó cung cấp những bảo đảm đầy đủ rằng họ sẽ thực hiện được nghĩa vụ của mình. Nếu không cung cấp được bảo đảm đầy đủ khi hết thời hạn ấn

²⁰ Viện Thống nhất Luật Tư Quốc tế, *Bộ nguyên tắc UNIDROIT về hợp đồng thương mại quốc tế*, 2016 p.258, <https://www.unidroit.org/english/principles/contracts/principles2016/principles2016-e.pdf>, truy cập ngày 22/03/2025.

²¹ Ủy ban Luật Hợp đồng châu Âu, *Bộ nguyên tắc Châu Âu về hợp đồng*, 2002 p.29, <https://www.internationalcontracts.net/international-law-documents/Principles-of-European-Contract-Law.pdf>, truy cập ngày 22/03/2025.

định thì bên có nguy cơ bị vi phạm được quyền áp dụng chế tài hủy bỏ hợp đồng.

Trách nhiệm gửi thông báo về ý định hủy bỏ hợp đồng của bên có nguy cơ bị vi phạm là điều cần thiết khi họ chưa thể chắc chắn tuyệt đối về việc bên kia sẽ vi phạm hợp đồng. Nếu áp dụng hủy bỏ hợp đồng ngay lập tức mà không thông báo trước ý định, đó là việc làm có phần nóng vội, có thể dẫn đến sự lạm quyền, thiếu thiện chí của bên hủy hợp đồng và không công bằng đối với bên được suy đoán sẽ vi phạm.

Thứ ba, cả LTM năm 2005 và BLDS năm 2015 nên bổ sung trường hợp “*một bên tuyên bố sẽ không thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn*” là căn cứ rõ ràng để xác định vi phạm hợp đồng trước thời hạn sẽ xảy ra và là cơ sở để bên còn lại có quyền hủy bỏ hợp đồng ngay lập tức mà không cần thực hiện nghĩa vụ thông báo ý định hủy bỏ.

Trong các trường hợp thông thường, việc xác định một bên có nguy cơ vi phạm hợp đồng là do sự suy đoán (dựa trên những căn cứ nhất định) của bên còn lại. Thủ tục thông báo được đặt ra nhằm xác minh hành vi của một bên có đủ rõ ràng sẽ xảy ra một vi phạm cơ bản trong tương lai hay không. Khi lời từ chối được đưa ra bởi một bên thì rõ ràng bên đó đã có ý định không tiếp tục thực hiện hợp đồng, bên còn lại có đủ cơ sở để xác định sẽ có vi phạm. Vì vậy, bên có nguy cơ bị vi phạm không phải chờ xem liệu bên kia có thay đổi ý định hay không mà có thể gửi thông báo hủy bỏ hợp đồng ngay lập tức.

Thứ tư, việc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật không phải là câu chuyện có thể thực hiện nhanh chóng; điều này cần nhiều thời gian, công sức. Ở góc độ các nhà kinh doanh khi soạn thảo hợp đồng, chúng ta hoàn toàn có thể vận dụng các quy định

pháp luật hiện có để bảo vệ tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam (Điều 3 BLDS năm 2015), đó là: “*Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng*”. Cả Điều 423 BLDS năm 2015 và Điều 312 LTM năm 2005 quy định khá tương đồng về một trường hợp có thể thực hiện quyền hủy bỏ hợp đồng, đó là “*xảy ra hành vi vi phạm mà các bên đã thoả thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng*”. Có thể thấy, pháp luật Việt Nam đã tạo cơ chế cho các bên được thỏa thuận trước các trường hợp hủy bỏ hợp đồng. Vì vậy, các bên khi giao kết hợp đồng hoàn toàn có thể vận dụng quy định của CISG cũng như những bản án/phán quyết của các toà án/trọng tài trên thế giới đã áp dụng điều 72 CISG để đưa ra một số trường hợp cụ thể mà các bên thống nhất đó là vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, và mỗi bên sẽ có quyền hủy bỏ hợp đồng khi những trường hợp đó xảy ra.

Kết luận

Cùng với việc đem lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp Việt Nam trong các giao dịch mua bán hàng hóa quốc tế, việc Việt Nam trở thành thành viên của CISG cũng là cơ hội để hoàn thiện pháp luật trong nước. Từ quy định tại Điều 72 CISG về quyền hủy bỏ hợp đồng khi có vi phạm hợp đồng trước thời hạn và thực tiễn áp dụng, việc sửa đổi, bổ sung các quy định của BLDS cũng như LTM sẽ góp phần giúp pháp luật Việt Nam tương thích hơn với các quy định trong pháp luật quốc tế, giúp doanh nghiệp Việt Nam hạn chế các rủi ro quá trình soạn thảo và thực hiện hợp đồng.